

Số: /KTHM-06/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2024

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
THỜI HẠN MÙA TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC**

(Từ tháng 7 đến tháng 12/2024)

1. Phân tích, đánh giá tình hình khí tượng thủy văn nổi bật trong 02 tháng qua

1.1. Tình hình khí tượng:

a) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm:

+ **Bão/Áp thấp nhiệt đới (ATNĐ):** Chiều ngày 30/5, vùng áp thấp trên vùng biển quần đảo Hoàng Sa đã mạnh lên thành ATNĐ, đến chiều ngày 31/5, ATNĐ đã mạnh lên thành bão và đây là cơn bão đầu tiên trên khu vực Biển Đông trong năm 2024 (Bão số 1, tên quốc tế là MALIKSI). Sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 8 (62-74km/h), giật cấp 10, di chuyển theo hướng Bắc với tốc độ khoảng 15-20km/h. Đến sáng ngày 01/6, sau khi đi vào đất liền khu vực phía Nam tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) bão số 1 đã suy yếu thành ATNĐ, chiều 01/6/2024 đã suy yếu thành một vùng áp thấp và tan dần (Hình 1).



Hình 1: Quỹ đạo cơn bão số 1 (MALIKSI)

+ **Đông, lốc, sét, mưa đá:** Từ tháng 4 đến nửa đầu tháng 6/2024, trên phạm vi toàn quốc xảy ra nhiều trận dông, lốc, sét và mưa đá tập trung nhiều nhất ở các tỉnh Bắc Bộ, Trung Bộ và một số nơi thuộc Tây Nguyên. Tuy nhiên, ở các huyện vùng núi thuộc Bắc và Trung Trung Bộ, trên khu vực Tây Nguyên cũng đã xảy ra một số trận dông lốc gây thiệt hại đáng kể (Bảng 1, 2, 3-Phụ lục).

+ **Nắng nóng:** Trong tháng 4/2024, ở khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ đã

xuất hiện các đợt nắng nóng như sau: Khu vực Tây Bắc Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa-Phú Yên đã xuất hiện 03 đợt nắng nóng và nắng nóng gay gắt, có nơi đặc biệt gay gắt từ ngày 01-04/4, ngày 12-17/4 và ngày 19-30/4 (kéo dài tới 01/5 cho khu vực Hà Tĩnh đến Phú Yên); trong đó từ ngày 26-30/4 nắng nóng xuất hiện tại Bắc Bộ và Trung Bộ, riêng các tỉnh Tây Bắc Bắc Bộ và từ Thanh Hóa-Phú Yên có nắng nóng gay gắt và đặc biệt gay gắt với nhiệt độ phổ biến từ 39-42⁰C, riêng Trung Bộ có nơi trên 43⁰C. Từ tháng 5/2024 đến nay, khu vực Tây Bắc Bắc Bộ chỉ xảy ra nắng nóng cục bộ; khu vực phía Đông Bắc Bộ xảy ra 02 đợt nắng nóng vào các ngày 26-30/5 và 01-03/6; khu vực Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế có 03 đợt nắng nóng và nắng nóng gay gắt vào các ngày 18-19/5; 26-30/5 và 02-05/6. Từ ngày 11/6 đến nay, khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ đang xảy ra nắng nóng diện rộng. Riêng khu vực Đà Nẵng đến Ninh Thuận từ tháng 4/2024 đến nay xảy ra nhiều ngày nắng nóng, có nơi có nắng nóng gay gắt và đặc biệt gay gắt.

Từ tháng 4/2024 đến nay, khu vực Tây Nguyên có 02 đợt nắng nóng, có nơi nắng nóng gay gắt và đặc biệt gay gắt vào các ngày 01-08/4 và 13/4-02/5/2024, các ngày còn lại chỉ xảy ra nắng nóng cục bộ. Khu vực Nam Bộ liên tục duy trì nắng nóng và nắng nóng gay gắt ở miền Đông Nam Bộ từ ngày 01/4-16/5; khu vực miền Tây Nam Bộ nắng nóng kéo dài từ 01/4-08/5. Những ngày còn lại của tháng 5/2024 và những ngày đầu tháng 6/2024, nắng nóng vẫn còn duy trì trên khu vực Nam Bộ nhưng cường độ và phạm vi nắng nóng giảm dần.

Như vậy, các tỉnh miền Đông Nam Bộ đã có nắng nóng diện rộng liên tục lên đến 70 ngày (từ 08/3-16/5). Trên cả nước đã ghi nhận nhiều trạm khí tượng xảy ra giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày vượt giá trị lịch sử (GTLS) và có nơi vượt cả giá trị cao nhất năm từng quan trắc được; riêng trong tháng 4/2024 đã có 110 trạm vượt GTLS (*Bảng 4, 5, 6-Phụ lục*).

+ *Mưa diện rộng:*

Tháng 4/2024, khu vực Bắc Bộ, Thanh Hóa và Nghệ An đã có mưa rào và dông rải rác kèm lốc, sét vào các ngày từ 18-21/4 và 24-25/4.

Tháng 5/2024 và nửa đầu tháng 6/2024, khu vực Bắc Bộ xuất hiện nhiều ngày có mưa rào và dông, trong đó các ngày: 01-03/5, 06/5, 09/5, 19-20/5, 30-31/5 và 05-10/6 có mưa vừa, mưa to trên diện rộng, có nơi mưa rất to. Ở khu vực Trung Bộ nhiều ngày có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa vừa, mưa to như ngày: 02-04/5, 06-07/5, 15-17/5, 19-26/5 và 31/5; riêng ngày 20-21/5 khu vực Nam Trung Bộ có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to đến rất to; ngày 31/5 tại khu vực Bắc và Trung Trung Bộ đã có mưa vừa, mưa to trên diện

rộng. Tại Tây Nguyên và Nam Bộ, gió mùa Tây Nam bắt đầu hoạt động mạnh dần, do vậy khu vực đã xảy ra nhiều ngày có mưa dông rải rác, có nơi mưa vừa, mưa to, tập trung nhiều vào các thời kỳ từ ngày: 04-05/5, 08-10/5, 14-17/5, 19-24/5 và 27-31/5, 07-08/6.

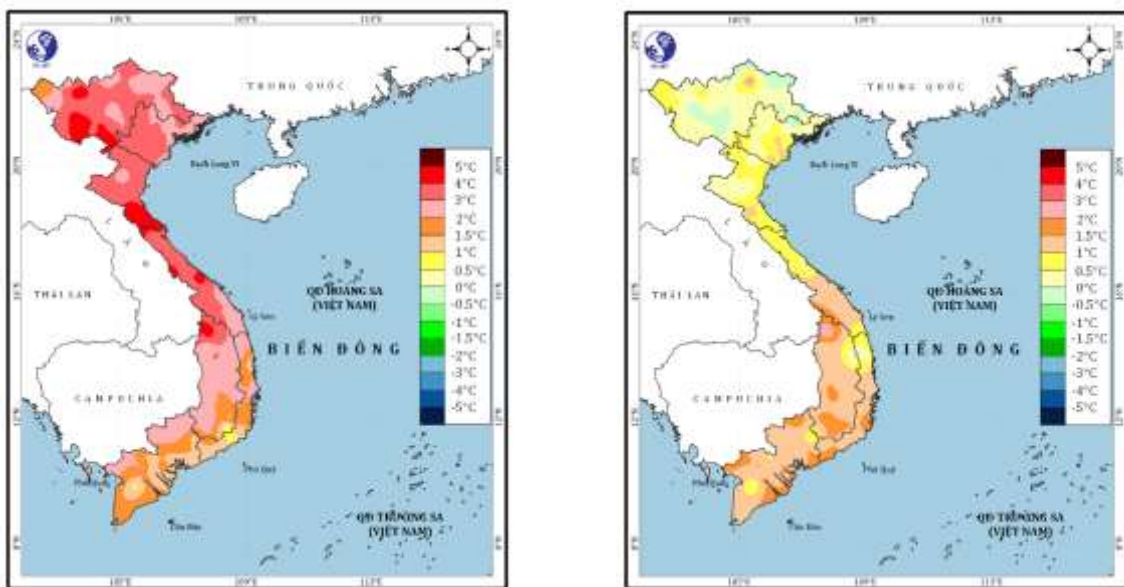
Đáng chú ý, trong các trận mưa dông kèm lốc, sét, mưa đá xảy ra đã gây ra nhiều thiệt hại về kinh tế-xã hội và môi trường cho các khu vực kể trên. Ngoài ra, trong thời kỳ từ tháng 4 đến nửa đầu tháng 6 một số nơi đã xuất hiện lượng mưa ngày vượt GTLS cùng thời kỳ, đặc biệt tại Bắc Ninh đã thiết lập lượng mưa ngày lớn nhất năm quan trắc được kể từ năm 2002 (Bảng 7, 8-Phụ lục).

b) Diễn biến nhiệt độ, lượng mưa:

+ Nhiệt độ trung bình (NĐTĐ):

Tháng 4/2024, NĐTĐ tại các khu vực Bắc Bộ, Bắc và Trung Trung Bộ phổ biến cao hơn từ 2,0-4,0⁰C, có nơi trên 4,0⁰C. Các khu vực khác phổ biến cao hơn từ 1,0-3,0⁰C, riêng Tây Nguyên có nơi cao hơn 3,0⁰C so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ (Hình 2a).

Tháng 5/2024, NĐTĐ tại khu vực Bắc Bộ phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ; riêng khu vực Nam Đồng bằng Bắc Bộ cao hơn từ 1,0-1,5⁰C. Tại các tỉnh Trung Bộ, NĐTĐ trong tháng cao hơn từ 0,5-1,5⁰C. Khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ phổ biến cao hơn từ 1,0-2,0⁰C, có nơi cao trên 2,0⁰C so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 2b).



(a)

(b)

Hình 2: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 4/2024;

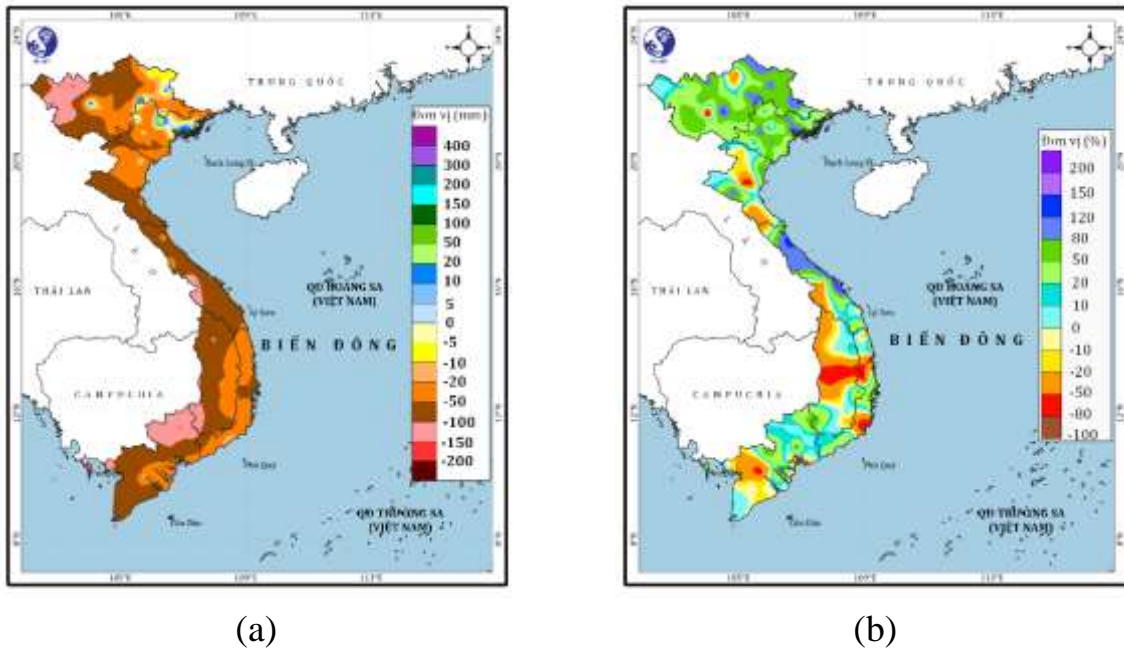
(b) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 5/2024.

NĐTĐ nửa đầu tháng 6/2024, khu vực Bắc Bộ, Thanh Hóa tới Bắc Nghệ An phổ biến thấp hơn từ 0,5-1,0⁰C, có nơi thấp hơn 1,5⁰C so với TBNN cùng

thời kỳ; Các khu vực khác NĐTB phổ biến cao hơn từ 0,5-1,5⁰C, riêng Tây Nguyên và Nam Bộ có nơi cao hơn 2,0⁰C so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Tổng lượng mưa (TLM):

Tháng 4/2024, TLM trên cả nước phổ biến thiếu hụt 30-60mm, khu vực Tây Bắc Bắc Bộ, Đông Nam Bộ phổ biến thiếu hụt trên 100mm. Riêng khu Đông Bắc Bắc Bộ có nơi xấp xỉ đến cao hơn từ 15-30mm so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 3a*).



*Hình 3: (a) Chuẩn sai lượng mưa tháng 4/2024;
(b) Tỷ chuẩn lượng mưa tháng 5/2024.*

Tháng 5/2024, TLM trên cả nước trong tháng phân bố không đồng đều. Tại các khu vực Bắc Bộ, Trung Trung Bộ, một số nơi tại Nam Trung Bộ và miền Đông Nam Bộ có TLM xấp xỉ đến cao hơn từ 30-60%, có nơi cao hơn từ 80-100% so với TBNN. Trong khi đó tại các khu vực Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và miền Tây Nam Bộ, TLM thiếu hụt từ 15-30%, có nơi thấp hơn 50% so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 3b*).

Thời kỳ nửa đầu tháng 6/2024: TLM tại Bắc Bộ và Thanh Hóa phổ biến cao hơn từ 50-150%, nhiều nơi cao hơn 200% so với TBNN; các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Bình Định và Phú Yên, TLM phổ biến cao hơn 30-150%, có nơi trên 200% so với TBNN. Các khu vực khác phổ biến thiếu hụt từ 30-100% so với TBNN.

1.2. Tình hình thủy văn, nguồn nước

+ Khu vực Bắc Bộ:

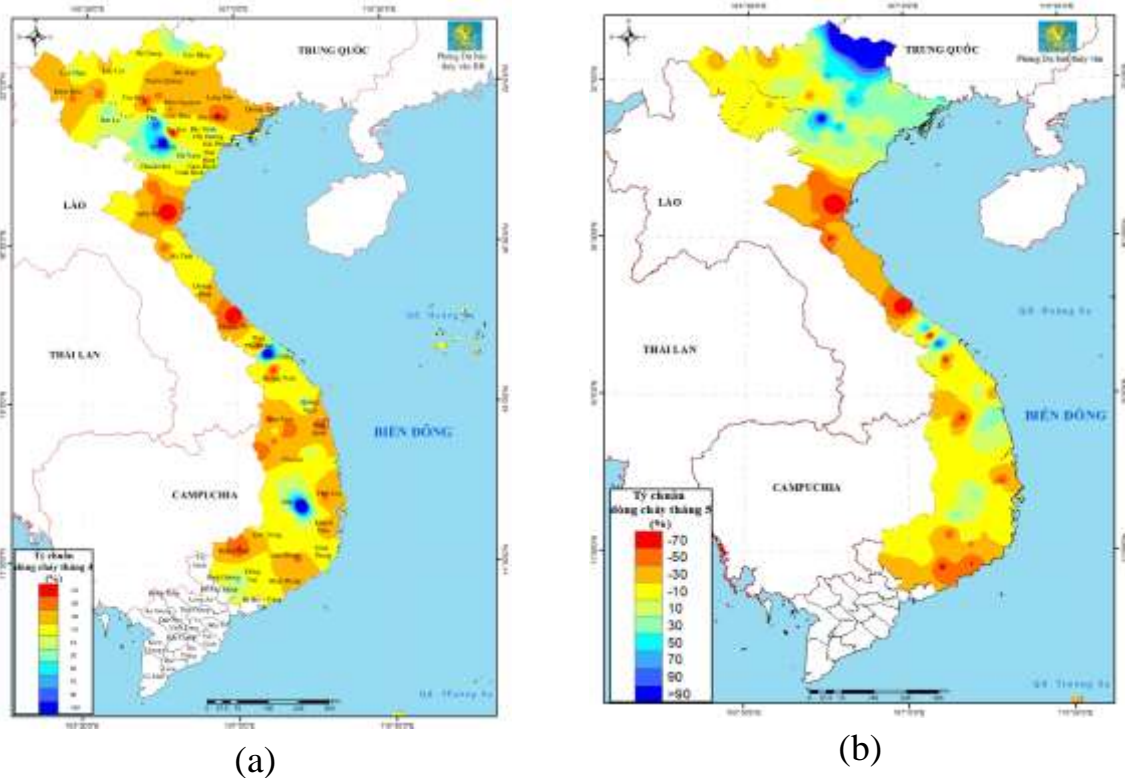
Trong tháng 4-5/2024, mực nước trên các sông Bắc Bộ biến đổi chậm; riêng mực nước trên sông Thao tại Phú Thọ đã xuống mức thấp nhất lịch sử

10,47m (ngày 27/4).

Trong nửa đầu tháng 6/2024, trên thượng lưu hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình xuất hiện 01-2 đợt lũ nhỏ. Riêng ở thượng lưu sông Lô, sông Gâm và sông Bằng Giang đã xuất hiện lũ vừa và lớn. Mục nước hạ lưu hệ thống sông Hồng-Thái Bình vẫn ở dưới mức báo động (BĐ)1.

Từ tháng 4 đến nửa đầu tháng 6/2024, nguồn nước trên các sông ở khu vực Bắc Bộ ở mức thấp hơn mức TBNN từ 30-50%, riêng tổng lượng dòng chảy đến hồ Tuyên Quang cao hơn TBNN.

So với cùng kỳ, dòng chảy đến hồ chứa Sơn La, Lai Châu xấp xỉ năm 2023; dòng chảy đến hồ Tuyên Quang, Thác Bà cao hơn từ 70-120%; riêng hồ Hòa Bình thấp hơn 37% so với năm 2023. Tính đến thời điểm hiện tại, tổng dung tích các hồ chứa thủy điện lớn trên sông Hồng cao hơn năm 2023 khoảng 10,595 triệu m³.



Hình 4: (a) Bản đồ tỷ chuẩn (%) dòng chảy tháng 4/2024 và (b) bản đồ tỷ chuẩn (%) dòng chảy tháng 5/2024

+ Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên:

Từ tháng 4 đến đầu tháng 5/2024, mực nước trên các sông ở Trung Bộ và khu vực Tây Nguyên biến đổi chậm và ở mức thấp. Trên một số sông đã xuất hiện mực nước thấp nhất trong chuỗi số liệu quan trắc như: Sông Mã (Thanh Hóa) tại Lý Nhân 0,82m (01h/23/4), sông Cả (Nghệ An) tại Nam Đàn -0,85m (13h/29/4); sông Vu Gia (Quảng Nam) tại Ái Nghĩa 1,41m (05h/15/4), sông Thu

Bồn (Quảng Nam) tại Hiệp Đức 11,70m (20h/02/5); tại Giao Thủy -0,59m (01h/02/5); sông Đăkbla (Kon Tum) tại KonPlong 590,25m (19h/10/5).

Từ nửa cuối tháng 5 đến nửa đầu tháng 6/2024, trên các sông ở Thanh Hóa xuất hiện lũ nhỏ với biên độ từ 1,0-3,3m, đỉnh lũ các sông còn dưới mức BĐ1; sông Cam Ly (Lâm Đồng) xuất hiện 3-4 đợt lũ nhỏ, đỉnh lũ xấp xỉ mức BĐ2; các sông khác ở khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên biến đổi chậm.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Trung Bộ và khu vực Tây Nguyên phổ biến ở mức thấp hơn TBNN so cùng kỳ từ 20-50%; riêng sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) tại Thượng Nhật, sông EaKrông (Đăk Lăk), sông Đăk Nông (Đăk Nông) ở mức cao hơn so với TBNN.

Tình trạng khô hạn, thiếu nước cục bộ ngoài vùng cấp nước của các công trình thủy lợi đã xảy ra, ảnh hưởng đến dân sinh và sản xuất nông nghiệp tại các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Bình Thuận.

+ Khu vực Nam Bộ:

Sông Đồng Nai: Từ tháng 4 đến nay, mực nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài xuất hiện 01 đợt dao động.

Sông Cửu Long: Mực nước các trạm trên dòng chính sông Mê Công biến đổi chậm và ở mức thấp hơn TBNN (2012- 2023) từ 0,1-1,0m. Hiện tại, mực nước Biển Hồ tại trạm Kompong Luong thấp hơn TBNN khoảng 0,18m và xấp xỉ cùng kỳ năm 2023. Tổng lượng dòng chảy từ thượng lưu sông Mê Công (trạm Kratie-Campuchia) về Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) từ đầu tháng 4 đến nay ở mức thấp hơn 20% so với TBNN. Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Mực nước cao nhất ngày 12/6 trên sông Tiền tại Tân Châu và trên sông Hậu tại Châu Đốc ở mức xấp xỉ TBNN.

Xâm nhập mặn ở ĐBSCL có xu thế giảm dần, đến cuối tháng 5/2024, tình hình xâm nhập mặn không còn ảnh hưởng đến dân sinh và sản xuất nông nghiệp.

1.3. Tình hình hải văn:

- Sóng biển: Từ tháng 4 đến nửa đầu tháng 6/2024, số liệu quan trắc ghi nhận khu vực Vịnh Bắc Bộ và vùng biển từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, sóng biển cao sóng cao 1,0-2,0m, có lúc trên 2,0m, biển động nhẹ, vùng biển Ninh Thuận-Bình Thuận, khu vực Bắc và Giữa Biển Đông cao 2,0-3,0m, biển động.

- Triều cường: Từ tháng 4 đến nửa đầu tháng 6/2024, khu vực ven biển miền Đông Nam Bộ xuất hiện 01 đợt triều cường, mực nước lớn nhất tại trạm hải văn Vũng Tàu đạt 4,18m lúc 03h00 ngày 10/4.

2. Dự báo khí tượng, thủy văn, hải văn từ tháng 7-9/2024

2.1. Khí tượng

- Hiện tượng ENSO: Hiện tại, hiện tượng ENSO đang ở pha trung tính. Dự báo từ tháng 7-9/2024, ENSO có khả năng chuyển sang trạng thái La Nina

với xác suất 65-75%.

- **Bão/ATNĐ:** Từ nay đến tháng 9/2024, trên Biển Đông có khả năng xuất hiện khoảng từ 05-07 cơn bão/ATNĐ; trong đó có khoảng 02-03 cơn đổ bộ vào đất liền (số lượng bão/ATNĐ TBNN trên Biển Đông trong thời gian này là từ 06-07 cơn, TBNN đổ bộ vào Việt Nam khoảng 03 cơn). Đề phòng khả năng bão/ATNĐ hình thành ngay trên khu vực Biển Đông.

- Trên phạm vi cả nước tiếp tục có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: Đông, lốc, sét và gió giật mạnh.

- **Nắng nóng:** Tại khu vực Bắc Bộ, nắng nóng còn xảy ra đến tháng 8/2024 và tập trung chính trong tháng 7/2024. Tại Trung Bộ, nắng nóng còn xảy ra đến tháng 9/2024, tập trung chính trong tháng 7-8/2024. Hiện tượng nắng nóng và nắng nóng gay gắt có khả năng xuất hiện nhiều hơn so với TBNN cùng thời kỳ.

- **Khô hạn:** Ở khu vực Trung Bộ, khô hạn có khả năng còn kéo dài đến tháng 8/2024.

- Mùa mưa tại khu vực Trung Bộ có khả năng xuất hiện tương đương so với TBNN (vào khoảng cuối tháng 8 và nửa đầu tháng 9). Tại khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ, gió mùa Tây Nam có xu hướng hoạt động mạnh hơn so với trung bình.

- *Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội:* Bão/ATNĐ và gió mùa Tây Nam có khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên khu vực Biển Đông. Hiện tượng nắng nóng sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt cũng như các hoạt động sản xuất (đặc biệt thời kỳ nửa cuối tháng 6-7/2024 tại Bắc Bộ và Trung Bộ mức độ nắng nóng có thể gay gắt hơn). Ngoài ra, mưa lớn, dông, lốc, sét có nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sinh hoạt cộng đồng ở các khu vực chịu tác động.

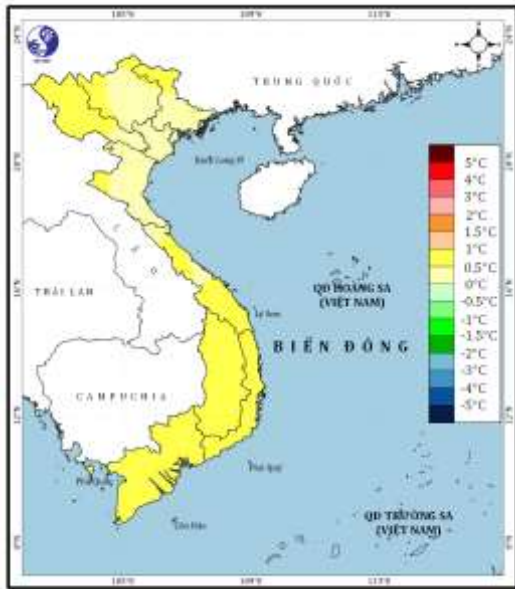
- *Nhiệt độ trung bình:* Từ tháng 7-9/2024, NĐTĐ phổ biến cao hơn từ 0,5-1,0°C so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 5a, 6a, 7a*).

- *Tổng lượng mưa:*

+ Khu vực Bắc Bộ: TLM tháng 7-8/2024, phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ, TLM tháng 9/2024 phổ biến cao hơn 10-20%, riêng khu vực Tây Bắc thấp hơn 5-10% so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Khu vực Trung Bộ: TLM từ tháng 7-9/2024, phổ biến ở mức cao hơn 10-30% so với TBNN; riêng khu vực Bắc Trung Bộ TLM tháng 8/2024 phổ biến xấp xỉ so với TBNN.

+ Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ: Tháng 7-9/2024, TLM tại khu vực phổ biến ở mức cao hơn từ 5-15% so với TBNN.

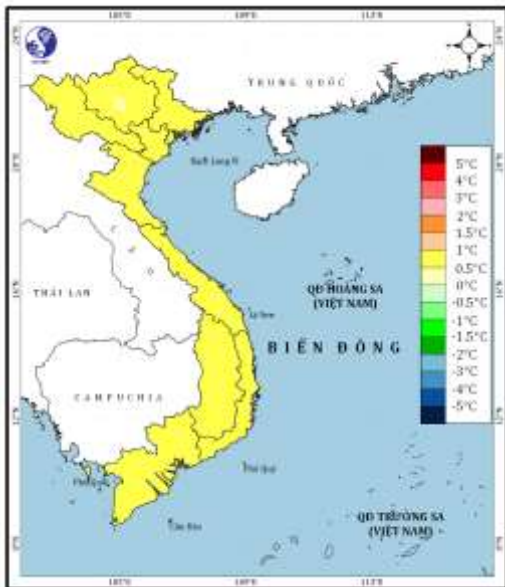


(a)



(b)

Hình 5: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 7/2024 và (b) dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 7/2024.

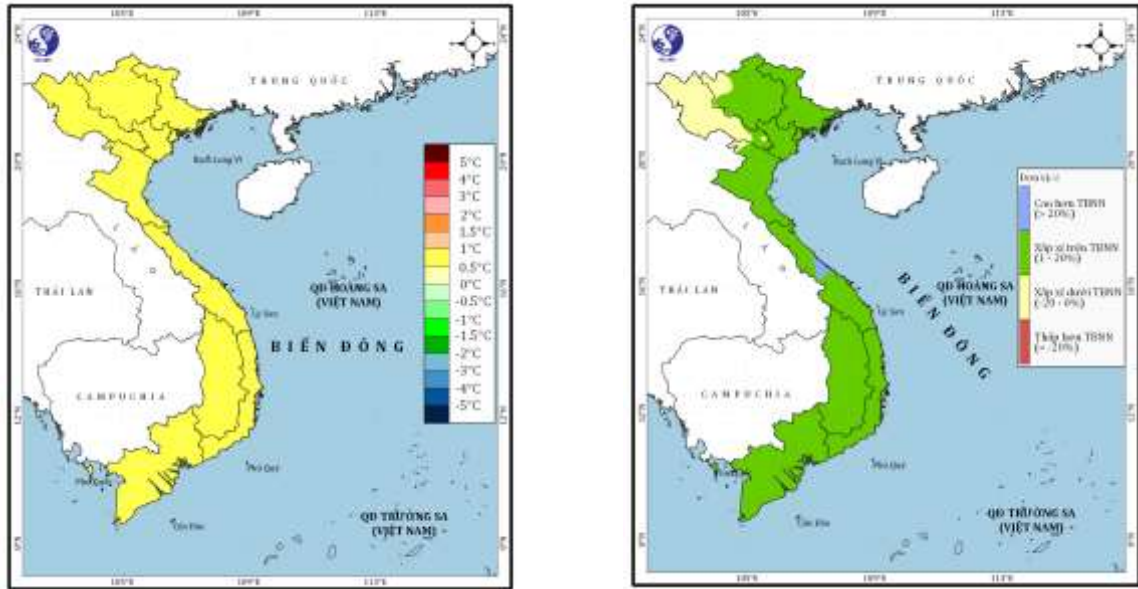


(a)



(b)

Hình 6: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 8/2024 và (b) dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 8/2024.



(a)

(b)

Hình 7: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 9/2024 và (b) dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 9/2024.

+ Lưu vực sông Mê Kông: Từ tháng 7-9/2024, tại khu vực hạ lưu TLM phổ biến cao hơn từ 5-15% so với TBNN cùng thời kỳ; TLM tại khu vực thượng lưu và trung lưu phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ, riêng tháng 9/2024, TLM ở khu vực thượng lưu thấp hơn từ 5-15% so với TBNN.

Bảng 1: Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa phổ biến từ tháng 7-9/2024

Khu vực dự báo	Tháng 7/2024		Tháng 8/2024		Tháng 9/2024	
	Ttb ($^{\circ}\text{C}$)	TLM (mm)	Ttb ($^{\circ}\text{C}$)	TLM (mm)	Ttb ($^{\circ}\text{C}$)	TLM (mm)
Sơn La (Miền núi phía Bắc)	25,5-26,5	200-300	25,0-26,0	220-320	24,5-25,5	80-160
Việt Trì (Miền núi phía Bắc)	29,5-30,5	230-330	28,5-29,5	260-360	28,0-29,0	110-200
Hải Phòng (Đồng bằng và trung du Bắc Bộ)	28,5-29,5	200-300	28,0-29,0	310-410	27,5-28,5	210-310
Hà Đông (Đồng bằng và trung du Bắc Bộ)	29,5-30,5	250-350	28,5-29,5	280-380	27,5-28,5	150-250
Vinh (Bắc Trung Bộ)	30,5-31,5	120-210	29,0-30,0	200-300	27,5-28,5	450-600
Huế (Trung Trung Bộ)	29,5-30,5	70-150	28,5-29,5	140-240	27,5-28,5	400-550

Khu vực dự báo	Tháng 7/2024		Tháng 8/2024		Tháng 9/2024	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Nha Trang (Nam Trung Bộ)	29,0-30,0	40-80	29,0-30,0	50-100	28,5-29,5	140-240
Buôn Ma Thuột (Tây Nguyên)	25,0-26,0	210-310	25,0-26,0	250-350	24,5-25,5	300-400
Châu Đốc (Nam Bộ)	27,5-28,5	120-210	27,5-28,5	120-210	28,0-29,0	130-220

2.2. Thủy văn và nguồn nước

+ Khu vực Bắc Bộ:

Từ tháng 7-9/2024, trên các sông Bắc Bộ sẽ xuất hiện các đợt lũ với mực nước đỉnh lũ trên các sông chính ở mức BĐ1-BĐ2, các sông nhỏ ở mức BĐ2-BĐ3. Đỉnh lũ năm phổ biến xuất hiện vào thời kỳ tháng 7-8/2024.

Từ tháng 7-9/2024, dòng chảy trên các sông và các hồ chứa lớn khu vực Bắc Bộ tiếp tục thiếu hụt so với TBNN, cụ thể: Dòng chảy đến các hồ chứa lớn thiếu hụt từ 20-40% so với TBNN; riêng hồ Bản Chát thiếu hụt khoảng 5% và hồ Tuyên Quang (sông Gâm) có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN.

+ Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên:

Từ nửa cuối tháng 6 đến tháng 8/2024, trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh, Bình Thuận và khu vực Tây Nguyên xuất hiện 3-5 đợt lũ và dao động, các sông khác ở Trung bộ mực nước biến đổi chậm.

Trong tháng 9, trên các sông ở Trung Bộ và khu vực Tây Nguyên xuất hiện 2-4 đợt lũ và dao động.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN từ 15-50% so với TBNN, đặc biệt trên sông Bến Hải (Quảng Trị) và sông La Ngà (Nam Bình Thuận) thấp hơn TBNN từ 60-75%; riêng sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế), sông Trà Khúc (Quảng Ngãi), sông An Lão (Bình Định), sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa), sông Eakrông (Đắk Lắk) và Đắk Nông (Đắk Nông) ở mức tương đương và cao hơn TBNN cùng kỳ từ 15-30%.

Từ cuối tháng 6-8/2024, tình trạng khô hạn và thiếu nước cục bộ ngoài vùng cấp nước của các công trình thủy lợi có nguy cơ xảy ra tại các tỉnh: Quảng Trị, Quảng Nam, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận.

+ Khu vực Nam Bộ:

Sông Đồng Nai: Từ nay đến cuối tháng 6/2024, mực nước có dao động. Từ tháng 7, 9/2024, trên sông Đồng Nai có khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ.

Sông Cửu Long: Từ cuối tháng 6 đến tháng 9/2024, tổng lượng dòng chảy trên sông Mê Công về ĐBSCL biến đổi chậm với xu thế lên dần, tổng lượng

dòng chảy từ thượng nguồn sông Mê Công về ĐBSCL ở mức thấp hơn TBNN từ 10-15%.

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế lên dần và thấp hơn TBNN từ 0,1-0,3m.

Bảng 2: Dự báo thủy văn từ tháng 7-9/2024

Sông	Trạm	Tháng 7/2024			Tháng 8/2024			Tháng 9/2024		
		H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)	H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)	H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)
Đà	Hồ Hòa Bình (Q)	800	4500	2800	1200	6000	3200	700	3800	1800
Thao	Yên Bái	2400	2950	2620	2500	3100	2680	2520	3000	2650
	Phú Thọ	1170	1480	1300	1200	1570	1370	1250	1550	1350
Lô	Tuyên Quang	1450	2100	1600	1460	2150	1590	1420	1950	1560
	Vụ Quang	700	1400	800	680	1450	780	650	1050	750
Cầu	Đáp Cầu	40	400	200	50	430	245	45	350	180
Thương	Phủ Lạng Thương	35	430	210	40	450	250	40	380	190
Lục Nam	Lục Nam	25	420	180	30	430	235	30	320	160
Thái Bình	Phả Lại	25	300	150	25	330	170	30	250	150
Hồng	Hà Nội	100	460	200	130	580	270	90	410	190
Hoàng Long	Bến Đé	5	250	70	15	320	100	10	280	90
Mã	Giàng	-100	214	51	-70	245	82	-70	300	100
Cả	Nam Đàn	-70	167	30	-50	210	60	-50	540	120
La	Linh Cảm	-135	170	23	-115	170	35	-85	320	70
Gianh	Mai Hóa	-95	92	2	-90	150	5	-80	530	45
Hương	Kim Long	25	58	36	22	60	38	30	100	42
Thu Bồn	Câu Lâu	-62	70	8	-60	85	10	-35	120	28
Trà Khúc	Trà Khúc	-25	85	24	-10	110	30	20	180	75
Kôn	Thanh Hòa	630	695	660	590	695	650	585	695	640
Đà Rằng	Phú Lâm	-105	65	-18	-100	60	-19	-95	75	-20
Đắkbla	Kon Tum	51540	51670	51610	51545	51720	51615	51545	51850	51625
Krông Ana	Giang Sơn	41510	41780	41572	41580	41830	41629	41620	41950	41700
Đồng Nai	Tà Lài	11080	11200	11130	11130	11240	11160	11170	11270	11200
Tiền	Tân Châu	20	220	100	90	250	180	140	290	210
Hậu	Châu Đốc	10	200	95	70	230	160	120	265	195

Bảng 3: Dự báo nguồn nước từ tháng 7-9/2024

Sông	Trạm	Tháng 7/2024		Tháng 8/2024		Tháng 9/2024	
		Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m ³)	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m ³)	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m ³)
Đà	Hồ Hòa Bình	290-390	7500	290-390	8571	200-300	4666
Thao	Yên Bái	280-380	1607	300-400	2196	180-280	1814
Lô	Tuyên Quang	260-360	3616	230-330	3428	110-210	2981
Hồng	Hà Nội	260-360	5464	280-380	7633	120-220	4977
Cầu	Gia Bảy	350-450	327	280-380	407	140-240	181
Lục Nam	Chũ	200-300	230	200-300	262	110-210	166
Mã	Cẩm Thủy	260-360	1339	300-400	2411	220-320	1730
Cả	Yên Thượng	120-220	763	200-300	1312	350-450	1892
La	Hòa Duyệt	150-250	126	230-330	139	450-600	324
Tả Trạch	Thượng Nhật	140-240	25.4	170-270	40.2	480-630	49.2
Thu Bồn	Nông Sơn	150-250	217	170-270	254	400-500	531
Trà Khúc	Sơn Giang	120-200	187	120-220	219	280-380	454
Ba	Củng Sơn	70-120	80.0	100-200	160	160-260	250
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	40-80	100	40-80	150	150-250	170
ĐắkBla	KonTum	260-360	62.9	280-380	64.3	280-380	67.4
Srêpôk	Giang Sơn	200-300	111	250-350	163	300-400	234
Tiền	Tân Châu	120-220	28000	110-210	42950	130-230	46500
Hậu	Châu Đốc	120-220	4747	110-210	8679	130-230	10250

2.3. Hải văn

- Sóng biển: Giai đoạn từ cuối tháng 6 đến tháng 9/2024 là thời kỳ hoạt động của gió mùa Tây Nam, độ cao sóng khu vực ngoài khơi Trung Bộ, trên khu vực Biển Đông (bao gồm quần đảo Hoàng Sa) khoảng 2,0-4,0m, biển động. Trong giai đoạn này ven biển khu vực Bắc Bộ, Bắc và Trung Trung Bộ cần đề phòng sóng lớn kết hợp với nước dâng trong bão và ATNĐ, nguy cơ cao gây sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Triều cường: Ven biển Đông Nam Bộ từ nửa cuối tháng 6 đến hết tháng 9/2024 xuất hiện 07 đợt triều cường. Tuy nhiên, mực nước tại trạm Vũng Tàu trong các đợt triều cường chỉ ở mức dưới 4,10m. Do thời điểm này, khu vực ven biển Đông Nam Bộ không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, nên nguy cơ ngập úng ở vùng trũng, thấp, khu vực ngoài đê bao ở mức thấp. Đối vùng ven biển Tây Nam Bộ, khoảng từ cuối tháng 7 và 8/2024 cần đề phòng mực nước biển dâng cao bất thường gây sạt lở đê biển trong thời gian xuất hiện triều cường kết hợp sóng lớn trong gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh

- Dự tính thủy triều:

Bảng 4: Dự tính thủy triều từ tháng 7-9/2024

Vị trí	Tháng 7/2024						Tháng 8/2024						Tháng 9/2024					
	Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng		
	Hx	Thời gian	Ngày	Hm	Thời gian	Ngày	Hx	Thời gian	Ngày	Hm	Thời gian	Ngày	Hx	Thời gian	Ngày	Hm	Thời gian	Ngày
Cô Tô	433	16h00	23	07	3h00	23	404	15h00	19	30	02h00	20	386	12h00	16	43	23h00	15
Bạch Long Vỹ	333	17h00	08	-26	5h00	08	323	15h00	04	-15	03h00	04	306	14h00	01	-2	01h00	01
Hòn Ngư	281	16h00	22	7	5h00	6	291	14h00	19	28	03h00	02	298	05h00	23	44	22h00	24
Hoàng Sa	148	8h00	22	-18	16h	21	137	07h00	03	-12	16h00	03	127	01h00	24	1	14h00	15
Lý Sơn	200	8h00	22	45	17h00	22	191	07h00	04	53	17h00	04	180	23h00	24	61	07h00	23
Trường Sa	332	09h00	23	147	18h00	22	320	08h00	04	154	17h00	04	310	01h00	26	169	15h00	15
Phú Quý	287	05h00	20	115	19h00	23	289	04h00	17	132	18h00	20	288	02h00	26	143	10h00	25
Côn Đảo	342	15h00	25	18	21h00	23	349	15h00	22	39	20h00	20	353	15h00	20	71	19h00	17
Thổ Chu	332	08h00	22	147	17h00	21	320	08h00	19	157	16h00	18	310	01h00	24	169	14h00	14

3. Xu thế khí tượng, thủy văn, hải văn từ tháng 10-12/2024

3.1. Khí tượng

- *Hiện tượng ENSO*: Dự báo hiện tượng ENSO tiếp tục duy trì ở trạng thái La Nina với xác suất khoảng 80-90%.

- *Bão/ATNĐ*: Từ tháng 10-12/2024, trên Biển Đông có khả năng xuất hiện khoảng từ 04-06 cơn bão/ATNĐ; trong đó có khoảng 02-03 cơn đổ bộ vào đất liền (số lượng bão/ATNĐ TBNN trên Biển Đông trong thời kỳ này là từ 04-05 cơn, TBNN đổ bộ vào Việt Nam khoảng 02 cơn). Đề phòng khả năng bão/ATNĐ hình thành ngay trên khu vực Biển Đông.

- *Không khí lạnh (KKL)*: KKL bắt đầu hoạt động mạnh dần từ khoảng tháng 10/2024.

- *Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội*: Bão/ATNĐ và gió mùa Đông Bắc có khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên khu vực Biển Đông. Ngoài ra, mưa lớn, lốc, sét có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng.

- *Nhiệt độ trung bình*: Từ tháng 10-12/2024, NĐTĐ trên cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ; riêng khu vực Bắc Bộ tháng 10/2024, NĐTĐ cao hơn khoảng 0,5-1,0⁰C so với TBNN cùng thời kỳ.

- *Xu thế lượng mưa*:

+ Khu vực Bắc Bộ: Tháng 10-11/2024, TLM phổ biến ở mức cao hơn 10-30% so với TBNN, riêng khu vực Tây Bắc, TLM phổ biến thấp hơn từ 10-20% so với TBNN. Tháng 12/2024, TLM phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Khu vực Trung Bộ: Tháng 10-11/2024, TLM phổ biến cao hơn từ 20-40% so với TBNN cùng thời kỳ. Tháng 12/2024, TLM phổ biến cao hơn từ 10-20% so với TBNN cùng thời kỳ, riêng khu vực Bắc Trung Bộ thấp hơn 5-15% so với TBNN.

+ Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ: TLM từ tháng 10-12/2024, phổ biến cao hơn từ 5-20% so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Lưu vực sông Mê Kông: Tháng 10/2024, khu vực thượng lưu sông Mê Kông, TLM phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN, khu vực trung và hạ lưu sông Mê Kông, TLM phổ biến cao hơn từ 20-40% so với TBNN cùng thời kỳ. Tháng 11-12/2024, TLM tại khu vực thượng lưu sông Mê Kông phổ biến thấp hơn 10-20% so với TBNN cùng thời kỳ; tại khu vực trung lưu và hạ lưu sông Mê Kông phổ biến cao hơn 5-15% so với TBNN, riêng khu vực trung lưu sông Mê Kông tháng 12/2024 phổ biến thấp hơn 5-15% so với TBNN.

3.2. Thủy văn và nguồn nước

+ *Khu vực Bắc Bộ*:

Từ tháng 10-12/2024 là thời kì cuối mùa lũ, đầu mùa cạn ở khu vực Bắc Bộ. Mực nước sẽ biến đổi theo xu thế giảm dần so với thời kì lũ chính vụ. Mực nước cao nhất trên các sông chính ở khu vực Bắc Bộ có khả năng ở dưới mức BĐ1, phổ biến cao hơn năm 2023 và thấp hơn TBNN.

Nguồn nước trên các sông và các hồ chứa lớn khu vực Bắc Bộ tiếp tục thiếu hụt so với TBNN, cụ thể: Dòng chảy đến các hồ chứa Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình, Huội Quảng thiếu hụt từ 20-40% so với TBNN; hồ Bản Chát, Tuyên Quang và Thác Bà thiếu hụt từ 5-15% so với TBNN.

+ *Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên:*

Từ tháng 10-12/2024, trên các sông Trung Bộ, Tây Nguyên xuất hiện các đợt lũ. Mực nước đỉnh lũ ở hạ lưu sông Mã (Thanh Hóa), sông Cả (Nghệ An, Hà Tĩnh) ở mức BĐ1-BĐ2; hạ lưu các sông chính từ Quảng Bình đến Bình Định, Khánh Hòa và khu vực Tây Nguyên ở mức BĐ2-BĐ3, các sông ở Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận dao động ở mức BĐ2. Nguy cơ xảy ra ngập lụt tại các đô thị, thành phố lớn do ảnh hưởng của mưa lớn cục bộ. Lũ quét, sạt lở đất nguy cơ cao xuất hiện tại các khu vực vùng núi.

Lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, từ Quảng Bình đến Bình Định, Khánh Hòa, Phú Yên và khu vực nam Tây Nguyên ở mức tương đương và cao hơn TBNN từ 10-30%; các sông khác ở khu vực Trung Bộ, bắc Tây Nguyên thấp hơn TBNN từ 10-35%.

+ *Khu vực Nam Bộ:*

Sông Đồng Nai: Mực nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ.

Sông Cửu Long: Từ tháng 10-12/2024, tổng lượng về ĐBSCL biến đổi chậm và ở mức thấp hơn TBNN từ 5-10%. Mực nước sông Cửu Long có xu thế lên dần. Đỉnh lũ năm 2024, ở đầu nguồn sông Cửu Long dao động ở mức BĐ1; đỉnh lũ tại các trạm hạ nguồn sông Cửu Long ở mức BĐ2-BĐ3 và trên BĐ3.

3.3. Hải văn

- Từ tháng 10 đến tháng 12/2024, ven biển khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ cần tiếp tục đề phòng sóng lớn kết hợp với nước dâng trong bão và ATNĐ. Ngoài ra, do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, độ cao sóng ở khu vực Vịnh Bắc Bộ có thể đạt 2-4m, vùng biển ngoài khơi Trung Bộ sóng biển dao động từ 3-5m.

- Khu vực ven biển Đông Nam Bộ xuất hiện 06 đợt triều cường: Đợt 1 từ ngày 03-07/10/2024, đợt 2 từ ngày 16-20/10/2024, đợt 3 từ ngày 02-05/11, đợt 4 từ ngày 12-20/11/2024, đợt 5 từ ngày 01-06/12, đợt 6 từ ngày 14-18/12. Trong đó có 2 đợt từ ngày 16-20/10/2024 mực nước trạm Vũng Tàu có thể đạt 4,30m,

đợt triều cường ngày 12-20/11/2024 mực nước trạm Vũng Tàu có thể đạt 4,25m. Các đợt triều cường này nếu trùng vào thời kỳ gió mùa Đông Bắc có cường độ mạnh tràn xuống phía Nam, khu vực trũng, thấp ở cửa sông ven biển, vùng ven biển chịu ảnh hưởng của triều cường tại các tỉnh ven biển khu vực Đông Nam Bộ sẽ có nguy cơ ngập, lụt.

Tin phát ngày: 15/6/2024.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15/7/2024./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ TN&MT;
- Bộ NN&PTNT;
- Văn phòng Ban chỉ đạo quốc gia về PCTT;
- Văn phòng UBND tỉnh TP.HCM; UBND tỉnh Đồng Nai;
- Đài Tiếng nói Việt Nam; Đài Truyền hình Việt Nam;
- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng (Bộ QP);
- Cục BĐKH; Cục Quản lý TNN;
- Viện KTTV&BĐKH; Viện ĐC&KS;
- Ủy ban sông Mê Kông Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng cục KTTV;
- Các đơn vị thuộc Tổng cục KTTV;
- Lãnh đạo Trung tâm, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, ĐBKHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Phúc Lâm

PHỤ LỤC

Bảng 4: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ trong tháng 4/2024
(Nguồn: Website Hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai)

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Lốc	Xã Đăk som, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông	01/4/2024
Lốc, mưa đá	Huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm, Nguyên Bình, Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hà, tỉnh Cao Bằng	02/4/2024
Lốc, mưa đá	Huyện Bát Xát, Mường Khương, Si Ma Cai, thị xã Sapa, tỉnh Lào Cai	01-02/4/2024
Lốc	Xã Sơn Lang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	01-03/4/2024
Đông, lốc, mưa đá	Huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	14/4/2024
Lốc	Huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình	15/4/2024
Lốc	Xã Lia, Xy, Thanh – Hướng Hoá – tỉnh Quảng Trị	15/4/2024
Lốc	Ấp Hoà Lợi, xã Hoà Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	16/4/2024
Mưa, dông, lốc	Huyện Hà Quảng, Bảo Lâm, Hoà An, Hạ Lang, Quảng Hoà, Trùng Khánh, Nguyên Bình, Bảo Lạc, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	17/4/2024
Mưa, dông, lốc	Huyện Lâm Bình, Chiêm Hoá, Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	17/4/2024
Mưa đá, dông, lốc	Huyện Quảng Chiểu, Pù Ninh, Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá	17/4/2024
Mưa, dông, lốc	Huyện Văn Bàn, Bảo Yên, Mường Khương, Bắc Hà, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai	17-18/4/2024
Mưa, dông, lốc	Huyện Đông Văn, Hoàng Su Phì, Yên Minh, Xí Mần, Quang Bình, Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	17-18/4/2024
Mưa, dông, lốc	Huyện Ngân Sơn, Bạch Thông, Chợ Đồn, Na Rì, Ba Bể, Chợ Mới, Pắc Nặm, tỉnh Bắc Kạn	17-18/4/2024
Đông, lốc	Xã Ngọc Lâm, Thanh Hương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	20/4/2024
Đông, lốc, mưa đá	Huyện Đà Bắc, Cao Phong, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	20-21/4/2024
Đông, lốc	Huyện Ngân Sơn, Bạch Thông, Chợ Đồn,	19-21/4/2024

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
	Na Rì, Ba Bể, Chợ Mới, Pắc Nặm – tỉnh Bắc Kạn	
Đông, lốc	Huyện Hải Hà, Cô Tô, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	20-21/4/2024
Đông, lốc, mưa lớn	Huyện Trảng Định, Văn Lãng, Văn Quan, Bắc Sơn, Bình Gia, Hữu Lũng, Chi Lăng, Cao Lộc, Lộc Bình, Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	20-21/4/2024
Đông, lốc, sét, mưa lớn	Huyện Đông Văn, Quảng Bá, Yên Minh, Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	20-21/4/2024
Đông, lốc	Huyện Yên Lập, Tân Sơn, Tam Nông, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	20-21/4/2024
Đông, lốc	Huyện Nguyên Bình, Bảo Lạc, Trùng Khánh, Quảng Hoà, Hạ Lạng, Hoà An, Bảo Lâm, Hà Quảng, Thạch An, tỉnh Cao Bằng	19-21/4/2024
Đông, lốc	Huyện Phù Yên, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	20-21/4/2024
Đông, lốc	Huyện Pắc Nặm, Ba Bể, Chợ Đồn, Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	21-22/4/2024
Đông, lốc, sét, mưa đá	Bản Huồi Cáng 1, Huồi Cáng 2, xã Bắc Lý, xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	23/4/2024
Lốc	Xã Xuối Hoa, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình	23/4/2024
Mưa đá	Xã Hang Kia, Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	24/4/2024
Đông, lốc, mưa đá	Huyện Phù Yên, Bắc Yên, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Vân Hồ, tỉnh Sơn La	24/4/2024
Đông, lốc, mưa đá	Huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	24-25/4/2024
Lốc	Xã Mường Ải, Mường Típ, Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	26/4/2024
Mưa đá	Xã Ea Kly, huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk	26/4/2024

Bảng 2: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ trong tháng 5/2024
(Nguồn: Website Hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai)

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Đông, lốc	Xã Đức Ninh, Thành Long, Bằng Cốc, Thái Hòa, Nhân Mục, Phù Lưu, Hùng Đức	01/5/2024

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
	- huyện Hàm Yên - tỉnh Tuyên Quang	
Đông, lốc, mưa đá	Xã Tam Quan, Yên Thắng - huyện Trưng Dương - tỉnh Nghệ An	01/5/2024
Đông kèm gió mạnh	Thị xã Hương Thủy - huyện Phú Vang - tỉnh Thừa Thiên Huế	02/5/2024
Đông, lốc, mưa đá	Các huyện Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hòa, Bảo Lâm, Bảo Lạc, Nguyên Bình, Hà Quảng, Hòa An và Thành phố Cao Bằng - tỉnh Cao Bằng	04/5/2024
Đông, lốc	các huyện Mèo Vạc, Đông Văn, Yên Minh và Bắc Mê - tỉnh Hà Giang	04-05/5/2024
Đông, lốc	Xã Phúc Thịnh - huyện Chiêm Hóa - tỉnh Tuyên Quang	04-05/5/2024
Lốc	Xã Mường Toong - huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên	05/5/2024
Đông, lốc, sét, mưa đá	Huyện Bát Xát, Bảo Thắng, Bắc Hà, TP. Lào Cai - tỉnh Lào Cai	05-06/5/2024
Lốc	Xã Lương Hòa - huyện Châu Thành; Phường 8- Tp.Trà Vinh - tỉnh Trà Vinh	06/5/2024
Sét	xã Hà An - huyện Quảng Yên - tỉnh Quảng Ninh	06/5/2024
Đông, lốc, sét, mưa đá	Các huyện: Đại Từ, Đồng Hoá, Phú Lương, Phú Bình, Đồng Hỷ - Tỉnh Thái Nguyên	08/5/2024
Lốc	Xã Chân Sơn, Hùng Lợi, Nhữ Hán - Huyện Yên Sơn - Tỉnh Tuyên Quang	09/5/2024
Đông lốc, sét, mưa đá	Huyện Đại Từ, Đồng Hoá, Phú Lương, Phú Bình, Đồng Hỷ - Tỉnh Thái Nguyên	9/5/2024
Đông lốc	các huyện Chi Lăng, Bắc Sơn, Hữu Lũng - tỉnh Lạng Sơn	9/5/2024
Đông lốc mưa đá	Các huyện Điện Biên Đông, Điện Biên - tỉnh Điện Biên	9/5/2024
Sét	Huyện Yên Thành, Quế Phong - tỉnh Nghệ An	12/5/2024
Lốc	Huyện Định Hoá - tỉnh Thái Nguyên	16/5/2024
Lốc, sét, mưa đá	Xã Đoàn Kết, Toàn Sơn, Cao Sơn - huyện Đà Bắc; xã Phú Cường, Quyết Chiến, Mỹ Hòa - huyện Tân Lạc - tỉnh Hòa Bình	16/5/2024
Lốc	Xã Yên Sơn, Bảo Hà, Kim Sơn, Việt Tiến, Lương Sơn, Việt Tiến, Cam Cọn, Yên Sơn - huyện Bảo Yên - tỉnh Lào Cai	16/5/2024
Lốc	huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên	16/5/2024

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Lốc	Huyện Trấn Yên, Văn Yên - tỉnh Yên Bái	
Đông, lốc, sét, mưa đá	Tp. Thủ Dầu Một, TP. Tân Uyên, huyện Dầu Tiếng, Bắc Tân Uyên - Tỉnh Bình Dương	16/5/2024
Đông, lốc, sét, mưa đá	xã Nghĩa Trung, Phú Sơn, Đường - huyện Bù Đăng - tỉnh Bình Phước	16/5/2024
Lốc	xã Gia Kiệm - huyện Thống Nhất - tỉnh Đồng Nai	16/5/2024
Đông, lốc, sét	huyện Đông Sơn, Triệu Sơn - tỉnh Thanh Hoá	19/5/2024
Lốc	Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh – Khánh Hòa	22/5/2024
Mưa lớn, dông, lốc, sét	thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút (Đắk Nông)	23/5/2024
Mưa lớn, dông, lốc, sét	Huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng	28/5/2024

Bảng 3: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ trong nửa đầu tháng
6/2024

(Nguồn: Website Hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam, Cục Quản lý đê điều và
Phòng, chống thiên tai)

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Đông, sét	Huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang	04/6/2024
Đông, sét	Xã Quyết Tiến, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	05/6/2024
Đông, lốc	Xã Trung Nghĩa, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	05/6/2024
Đông, sét	Chợ Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội và huyện Thanh Trì, Hà Nội	05/6/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Cao Bằng	06/6/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Yên Bái	06/6/2024
Sét	Phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên	08/6/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Tỉnh Thái Nguyên	09/6/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Tỉnh Bến Tre	09/6/2024

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Mưa lớn, dông lốc, sét	Tỉnh Bình Thuận	09/6/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Tỉnh Quảng Ninh	09/6/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang, Yên Bái, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Quảng Ninh và Hải Phòng	10/06/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Tuyên Quang, Thái Nguyên	11/06/2024

Bảng 4: Nhiệt độ cao nhất ngày ($^{\circ}\text{C}$) vượt GTLS trong cùng thời kỳ tháng 4/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Tuần Giáo (Điện Biên)	38,4	2023	38,8	04/4/2024
Đà Lạt (Lâm Đồng)	29,7	2016	29,9	08/4/2024
Biên Hòa (Đồng Nai)	39,0	2020	40,0	09/4/2024
Long Khánh (Đồng Nai)	38,6	2013	39,5	09/4/2024
Than Uyên (Lai Châu)	37,8	2023	38,0	14/4/2024
Đắk Nông	37,0	2016	37,1	16/4/2024
Thủ Dầu Một (Bình Dương)	38,6	2016	39,9	16/4/2024
Pha Đin (Điện Biên)	31,5	1983, 2006	31,6	23/4/2024
Phú Quý (Bình Thuận)	34,8	1990	35,5	23/4/2024
Phước Long (Bình Phước)	38,5	1987	39,7	25/4/2024
Vĩnh Long	37,6	2019	38,5	25/4/2024
Trà Nóc (Cần Thơ)	36,5	2016	37,0	25/4/2024
Cần Thơ	36,7	2019	37,4	25/4/2024
Đà Nẵng	40,0	2013	40,7	26/4/2024
Ba Tơ (Quảng Ngãi)	41,4	2016	41,8	26/4/2024
Kim Bôi (Hòa Bình)	39,7	1998	40,3	27/4/2024
Chi Nê (Hòa Bình)	41,0	2019	41,7	27/4/2024
Hòa Bình	41,1	2019	41,6	27/4/2024
Lào Cai	39,5	2012	41,7	27/4/2024
Yên Bái	36,9	1983	37,9	27/4/2024
Hà Giang	37,7	2012	37,8	27/4/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Tuyên Quang	38,3	2015	38,8	27/4/2024
Hàm Yên (Tuyên Quang)	38,0	1998	38,5	27/4/2024
Chiêm Hóa (Tuyên Quang)	38,6	1998	39,0	27/4/2024
Thái Nguyên	37,7	1990	39,4	27/4/2024
Minh Đài (Phú Thọ)	40,4	2006	41,2	27/4/2024
Việt Trì (Phú Thọ)	38,5	1998	38,8	27/4/2024
Vĩnh Yên (Vĩnh Phúc)	38,3	2015	39,5	27/4/2024
Tam Đảo (Vĩnh Phúc)	32,1	1988	32,2	27/4/2024
Uông Bí (Quảng Ninh)	35,3	2009	36,3	27/4/2024
Hiệp Hòa (Bắc Giang)	37,0	2012	39,0	27/4/2024
Bắc Giang	36,5	2015	37,0	27/4/2024
Bắc Ninh	36,6	2012	38,3	27/4/2024
Ba Vì (Hà Nội)	38,3	2006, 2012	41,2	27/4/2024
Sơn Tây (Hà Nội)	37,8	1998	40,4	27/4/2024
Láng (Hà Nội)	39,0	2006	41,5	27/4/2024
Hoài Đức (Hà Nội)	38,5	2019	40,7	27/4/2024
Hà Đông (Hà Nội)	37,2	2015	40,5	27/4/2024
Chí Linh (Hải Dương)	37,2	2015	37,8	27/4/2024
Hải Dương	36,5	1998	38,5	27/4/2024
Hung Yên	38,2	2019	41,2	27/4/2024
Nam Định	37,7	2019	40,5	27/4/2024
Vãn Lý (Nam Định)	34,7	1990	34,9	27/4/2024
Phủ Lý (Hà Nam)	38,9	1966	41,8	27/4/2024
Ninh Bình	40,2	2019	40,5	27/4/2024
Thái Bình	37,0	1990	39,0	27/4/2024
Yên Định (Thanh Hóa)	37,1	1966	39,0	27/4/2024
Huế (Thừa Thiên Huế)	40,6	2019	42,2	27/4/2024
Tam Kỳ (Quảng Nam)	39,6	1983	40,8	27/4/2024
Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)	38,2	2016	38,9	27/4/2024
Cát Tiên (Lâm Đồng)	38,0	2015, 2016	39,1	27/4/2024
Đồng Phú (Bình Phước)	40,1	1987	40,2	27/4/2024
Trị An (Đồng Nai)	38,8	2016	38,9	27/4/2024
Sóc Trăng	37,1	1990	37,5	27/4/2024
Mường Lay (Điện Biên)	40,5	2023	41,0	28/4/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Điện Biên	38,4	2023	39,0	28/4/2024
Sơn La	38,0	2023	38,2	28/4/2024
Lạc Sơn (Hòa Bình)	40,7	2012	42,0	28/4/2024
Kỳ Anh (Hà Tĩnh)	38,8	2001, 2007, 2016	41,1	28/4/2024
Đông Hà (Quảng Trị)	42,1	1980	44,0	28/4/2024
Nha Trang (Khánh Hòa)	34,6	2009	34,7	28/4/2024
Trường Sa (Khánh Hòa)	36,4	2020	36,8	28/4/2024
Mỹ Tho (Tiền Giang)	37,0	2017	37,8	28/4/2024
Càng Long (Trà Vinh)	37,0	2003	38,1	28/4/2024
Thổ Chu (Kiên Giang)	36,5	2012	37,3	28/4/2024
Bắc Yên (Sơn La)	37,6	2023	38,0	29/4/2024
EaHleo (Đắk Lắk)	37,3	2016	38,2	29/4/2024
Bến Tre	37,0	2016	38,0	29/4/2024
Cao Lãnh (Đồng Tháp)	37,4	1983	39,0	29/4/2024
Mường Tè (Lai Châu)	40,5	1980	41,7	30/4/2024
Phù Yên (Sơn La)	41,7	2019	42,0	30/4/2024
Mai Châu (Hòa Bình)	40,9	2019	42,5	30/4/2024
Phố Ràng (Lào Cai)	39,8	2019	40,7	30/4/2024
Bắc Mê (Hà Giang)	40,0	2016	40,2	30/4/2024
Bắc Quang (Hà Giang)	38,0	1988	38,8	30/4/2024
Đồng Văn (Hà Giang)	33,0	2017, 2019	34,0	30/4/2024
Chợ Rã (Bắc Kạn)	39,3	2012	39,8	30/4/2024
Cao Bằng	39,5	2006, 2016	39,9	30/4/2024
Bảo Lạc (Cao Bằng)	39,7	1966, 2012	40,8	30/4/2024
Trùng Khánh (Cao Bằng)	37,0	2006	37,2	30/4/2024
Thất Khê (Lạng Sơn)	38,5	2006	39,2	30/4/2024
Lạng Sơn	37,9	2012	38,6	30/4/2024
Mẫu Sơn (Lạng Sơn)	29,8	2012	31,2	30/4/2024
Móng Cái (Quảng Ninh)	32,5	2017	33,2	30/4/2024
Quảng Hà (Quảng Ninh)	32,8	2017	33,5	30/4/2024
Sơn Động (Bắc Giang)	38,7	2012	39,3	30/4/2024
Nho Quan (Ninh Bình)	40,6	2019	41,1	30/4/2024
Cúc Phương (Ninh Bình)	38,5	2012, 2019	39,2	30/4/2024
Sầm Sơn (Thanh Hóa)	35,3	2012	36,3	30/4/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Thanh Hóa	38,4	2019	40,1	30/4/2024
Như Xuân (Thanh Hóa)	40,0	2007	41,0	30/4/2024
Tĩnh Gia (Thanh Hóa)	40,8	2019	43,9	30/4/2024
Tương Dương (Nghệ An)	42,4	2019	44,0	30/4/2024
Qùy Hợp (Nghệ An)	41,8	2007	42,4	30/4/2024
Con Công (Nghệ An)	42,0	1980, 2019	43,2	30/4/2024
Quỳnh Lưu (Nghệ An)	38,4	2019	42,0	30/4/2024
Đô Lương (Nghệ An)	41,5	2019	43,1	30/4/2024
Hòn Ngu (Nghệ An)	37,5	2019	40,1	30/4/2024
Vinh (Nghệ An)	41,0	2019	42,9	30/4/2024
Hương Sơn (Hà Tĩnh)	40,4	2016	42,7	30/4/2024
Hà Tĩnh	40,3	2019	43,2	30/4/2024
Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	39,4	2019	42,7	30/4/2024
Tuyên Hóa (Quảng Bình)	43,0	2019	43,1	30/4/2024
Đồng Hới (Quảng Bình)	41,0	2015	43,2	30/4/2024
Ba Đồn (Quảng Bình)	40,8	2015	43,2	30/4/2024
Khe Sanh (Quảng Trị)	39,3	2016	39,8	30/4/2024
A Lưới (Thừa Thiên Huế)	38,1	1983	39,2	30/4/2024
Nam Đông (Thừa Thiên Huế)	41,1	2013	42,2	30/4/2024
Trà My (Quảng Nam)	40,5	1983	40,6	30/4/2024
Hoài Nhơn (Bình Định)	40,2	2016	40,9	30/4/2024

Bảng 5: Nhiệt độ cao nhất ngày ($^{\circ}\text{C}$) vượt GTLS trong cùng thời kỳ tháng 5/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 5	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Tuần Giáo (Điện Biên)	39,6	2019	39,8	01/5/2024
Ba Đồn (Quảng Bình)	41,0	2023	41,4	01/5/2024
Đông Hà (Quảng Trị)	42,3	2023	43,2	01/5/2024
Huế (Thừa Thiên Huế)	41,3	1983	42,1	01/5/2024
Nam Đông (Thừa Thiên Huế)	41,5	2023	41,8	01/5/2024

Đà Nẵng	40,5	1983	41,5	01/5/2024
Tam Kỳ (Quảng Nam)	40,2	2010, 2023	41,0	01/5/2024
EaHleo (Đắk Lắk)	37,0	2020	37,5	01/5/2024
Tây Ninh	39,0	1983	39,5	01/5/2024
Cần Thơ	36,7	1983, 2010, 2015, 2020	37,2	01/5/2024
Thủ Dầu Một (Bình Dương)	38,7	2016	38,9	02/5/2024
Mỹ Tho (Tiền Giang)	37,2	2005	38,2	02/5/2024
Vĩnh Long	37,1	2016	38,5	02/5/2024
Bến Tre	37,9	2020	38,2	02/5/2024
Cao Lãnh (Đồng Tháp)	37,0	1980, 1983, 2016, 2019, 2020, 2023	38,5	02/5/2024
Càng Long (Trà Vinh)	37,7	2016	38,3	02/5/2024
Thổ Chu (Kiên Giang)	36,8	2016	37,5	02/5/2024
Châu Đốc (An Giang)	37,5	2005, 2015	38,4	03/5/2024
Quy nh Lưu (Nghệ An)	40,2	2023	40,3	29/5/2024
Phan Rí (Bình Thuận)	35,8	2019	37,7	29/5/2024

Bảng 6: Nhiệt độ cao nhất ngày ($^{\circ}\text{C}$) vượt GTLS trong cùng thời kỳ nửa đầu tháng 6/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 6	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Tuy Hòa (Phú Yên)	39,6	2010	40,0	03/6/2024
Trường Sa (Khánh Hòa)	35,3	2015	35,4	03/6/2024
Cao Lãnh (Đồng Tháp)	36,0	2021,2022	37,5	03/6/2024
Trị An (Đồng Nai)	36,1	2015	36,7	04/6/2024
Nhà Bè (Tp Hồ Chí Minh)	36,2	2016	37,0	04/6/2024
Mỹ Tho (Tiền Giang)	36,0	1993	36,6	04/6/2024
Vĩnh Long	36,2	2020,2023	36,3	04/6/2024
Bến Tre	36,4	2015	36,6	04/6/2024
Châu Đốc (An Giang)	36,5	2010	36,8	04/6/2024
Ayunpa (Gia Lai)	38,2	2015	38,5	05/6/2024
EaHleo (Đắk Lắk)	33,5	2021	34,0	06/6/2024
Phan Thiết (Bình Thuận)	36,7	2019	37,9	13/6/2024

Thủ Dầu Một (Bình Dương)	35,9	2016	36,7	13/6/2024
Vũng Tàu (Bà Rịa Vũng Tàu)	35,5	2016	36,4	13/6/2024
Ba Tri (Bến Tre)	36,2	2010	36,5	13/6/2024
Càng Long (Trà Vinh)	35,9	2020	36,1	13/6/2024

Bảng 7: Lượng mưa ngày (mm) cao nhất vượt GTLS trong cùng thời kỳ tháng 5/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 5	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Phổ Ràng (Lào Cai)	78,5	2020	114,6	16/5/2024
Phan Rí (Bình Thuận)	46,3	2021	54,0	21/5/2024
M Đrắk (Đắk Lắk)	96,1	2011	147,8	19/5/2024

Bảng 8: Lượng mưa ngày (mm) cao nhất vượt GTLS trong cùng thời kỳ nửa đầu tháng 6/2024.

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 6	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Móng Cái (Quảng Ninh)	271,6	2008	299	09/6/2024
Quảng Hà (Quảng Ninh)	337,0	2003	367	09/6/2024
Tiên Yên (Quảng Ninh)	249,9	2001	334	09/6/2024
Bãi Cháy (Quảng Ninh)	240,3	2003	307	09/6/2024
Bắc Ninh	117,2	2010	171	09/6/2024
Phù Liễn (Hải Phòng)	167,5	1979	228	09/6/2024
Chí Linh (Hải Dương)	150,8	1981	165	09/6/2024
Sầm Sơn (Thanh Hoá)	139,4	2013	187	06/6/2024